

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 4, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý IV năm tài chính 2014

Mẫu số B01 - DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.966.981.157.973	1.350.999.578.959
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	360.060.918.592	298.805.737.348
1. Tiền	111		302.860.918.592	298.548.737.348
2. Các khoản tương đương tiền	112		57.200.000.000	257.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	76.362.165.051	38.929.510.005
1. Đầu tư ngắn hạn	121		76.362.165.051	38.929.510.005
2. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.383.841.951.985	840.689.368.527
1. Phải thu khách hàng	131		1.243.161.820.581	512.415.724.924
2. Trả trước cho người bán	132		107.593.297.891	278.493.450.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xd	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	33.443.383.831	50.539.336.068
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(356.550.318)	(759.142.465)
IV. Hàng tồn kho	140		59.535.634.994	119.392.833.473
1. Hàng tồn kho	141	V.04	59.535.634.994	119.392.833.473
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		87.180.487.351	53.182.129.606
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.428.789	205.100.501
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		47.035.578.193	30.176.070.338
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	11.543.189.745	2.292.294.692
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		28.582.290.624	20.508.664.075
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		4.246.356.127.077	3.419.423.317.827
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		4.107.756.317.580	3.360.598.727.711
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	685.279.532.526	710.800.668.658
- Nguyên giá	222		811.112.480.738	792.226.224.906
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(125.832.948.212)	(81.425.556.248)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	341.142.330	467.923.653
- Nguyên giá	228		1.185.694.888	1.279.831.888
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(844.552.558)	(811.908.235)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3.422.135.642.724	2.649.330.135.400
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0

- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	132.096.969.269	52.137.407.498
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		16.909.026.908	17.037.756.248
3. Đầu tư dài hạn khác	258		115.187.942.361	35.099.651.250
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.14	6.502.840.228	6.687.182.618
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.502.840.228	6.687.182.618
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.213.337.285.050	4.770.422.896.786
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4.885.559.012.758	3.996.611.713.262
I. Nợ ngắn hạn	310		1.567.666.586.133	1.172.569.299.329
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	365.032.565.849	604.087.131.052
2. Phải trả người bán	312		229.709.183.490	276.001.577.284
3. Người mua trả trước	313		596.938.297.286	87.973.905.695
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	197.948.461.195	2.776.386.857
5. Phải trả người lao động	315		7.343.083.779	3.684.879.368
6. Chi phí phải trả	316	V.17	42.344.787.581	17.892.681.129
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	124.809.285.529	175.574.104.970
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	320		0	0
11. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	323		3.540.921.424	4.578.632.974
II. Nợ dài hạn	330		3.317.892.426.625	2.824.042.413.933
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		910.701.356.807	976.740.681.620
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	2.166.330.976.217	1.817.547.305.987
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		240.860.093.601	29.754.426.326
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		1.295.869.558.074	737.403.365.472
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.295.869.558.074	737.403.365.472
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		946.474.910.000	646.474.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.734.064.565	5.154.600.587
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch giá đánh lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		33.276.441.113	31.267.451.774
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.623.437.251	12.931.670.697
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		298.760.705.145	41.574.732.414
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
C - Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		31.908.714.218	36.407.818.052
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)			6.213.337.285.050	4.770.422.896.786

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	01		2.103.739.050	2.103.739.050
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		1.211.905.923	504.297.458
5. Ngoại tệ các loại	05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Người lập



Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc

Tổng Giám đốc



Vũ Quang Lâm

HUT - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý IV Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	2.060.334.324.245	555.743.439.990	2.769.267.245.867	1.787.299.412.537
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	3.158.815.635	5.885.352.015	6.867.422.389	11.648.860.906
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	2.057.175.508.610	549.858.087.975	2.762.399.823.478	1.775.650.551.631
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	1.726.152.946.305	525.874.357.231	2.339.242.788.505	1.692.727.696.647
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		331.022.562.305	23.983.730.744	423.157.034.973	82.922.854.984
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	430.389.419	1.141.474.774	10.974.591.046	5.160.184.057
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	9.653.133.704	10.097.459.917	39.294.597.827	28.898.413.201
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.653.133.704</i>	<i>9.205.609.997</i>	<i>39.294.597.827</i>	<i>28.006.563.281</i>
8. Chi phí bán hàng	24		2.490.172.450	595.138.674	12.804.325.674	772.310.355
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.266.697.559	8.048.174.291	42.696.471.247	42.933.199.346
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		303.042.948.011	6.384.432.636	339.336.231.271	15.479.116.139
11. Thu nhập khác	31		1.129.169.079	518.317.273	2.366.096.621	3.455.747.483
12. Chi phí khác	32		1.202.667.256	541.661.898	7.068.833.550	3.411.640.901
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(73.498.177)	(23.344.625)	(4.702.736.929)	44.106.582
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(73.149.638)	859.349.221	(541.717.414)	(243.535.580)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		302.896.300.196	7.220.437.232	334.091.776.928	15.279.687.141
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	69.170.073.440	1.439.511.154	75.489.307.232	3.512.586.938
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	(387.366.814)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		233.726.226.756	5.780.926.078	258.602.469.696	12.154.467.017
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.754	87	3.246	244
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	71		314.013.430	187.354.008	852.734.410	(201.284.834)
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72		233.412.213.326	5.593.572.070	257.749.735.286	12.355.751.851

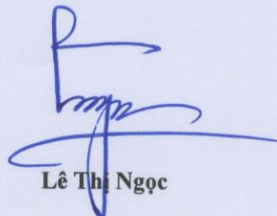
Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Người lập



Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 4, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý IV năm tài chính 2014

Mẫu số B03 - DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết Minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.012.594.241.405	1.244.580.855.870
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(1.553.193.355.847)	(1.023.586.609.241)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(30.627.486.264)	(28.346.641.761)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(139.589.621.489)	(52.549.754.457)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(8.020.009.624)	(5.548.555.371)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		212.500.826.966	473.372.739.393
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(388.362.987.972)	(486.298.644.067)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.105.301.607.175	121.623.390.366
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.278.593.198.309)	(319.955.877.907)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		230.664.545	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ dụng cụ nợ của các đơn vị khác	23		(147.540.072.883)	(46.063.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		108.590.000.000	1.135.292.948
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(83.202.049.400)	(64.150.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn góp vào các đơn vị khác	26		1.850.000.000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.956.760.791	1.329.720.154
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.381.707.895.256)	(427.703.864.805)
III - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		200.180.000.000	3.960.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.008.543.192.110	1.454.126.964.486
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.870.876.541.785)	(916.340.898.655)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	(298.563.900)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(185.181.000)	(8.096.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		337.661.469.325	541.439.405.081
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		61.255.181.244	235.358.930.642
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		298.805.737.348	63.446.806.706
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		360.060.918.592	298.805.737.348


Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Người lập



Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc



Vũ Quang Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tasco được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 07 năm 2007. Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 12 ngày 28 tháng 07 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty là 946.474.910.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và đô thị - HUD	5.429.376	54.293.760.000	5.74%
Các cổ đông khác	89.218.115	892.181.150.000	94.26%
Tổng	94.647.491	946.474.910.000	100%

Công ty được cấp giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/04/2008 do Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 04/04/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04 Tòa nhà M5 – Số 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ - Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội.

2- Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);

- Chuẩn bị mặt bằng;

- Xây dựng nhà các loại;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (Không bao gồm quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
 - Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
 - Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
 - Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện, sản xuất điện;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
 - Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
 - Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật)
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng.
- 4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở: Giao thông, thủy lợi, XD dân dụng, xây lắp điện, kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản, dịch vụ thu gom xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác... , các công trình này được đầu tư chủ yếu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Khối lượng xây lắp hoàn thành sau khi giữ lại % bảo hành công trình được thanh toán theo kế hoạch vốn ngân sách hàng năm, dẫn đến các khoản phải thu từ khách hàng lớn. Khối lượng xây lắp hoàn thành khi quyết toán có thể bị cắt giảm làm xuất hiện các khoản giảm trừ doanh thu ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán Quý bắt đầu từ ngày 01 của tháng đầu quý kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng cuối quý.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

- 1- Chế độ kế toán áp dụng: Thực hiện theo Quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.
- 2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập các báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo Công ty đã phải:

- Tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCÓ

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

Bao gồm:

- 1- Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung;
- 2- Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho;
- 3- Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;
- 4- Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;
- 5- Chuẩn mực số 06 - Thuê tài sản.
- 6- Chuẩn mực số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- 7- Chuẩn mực số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.
- 8- Chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;
- 9- Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng;
- 10- Chuẩn mực số 16 - Chi phí đi vay;
- 11- Chuẩn mực số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- 12- Chuẩn mực số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng;
- 13- Chuẩn mực số 21 - Trình bày báo cáo tài chính;
- 14- Chuẩn mực số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- 15- Chuẩn mực số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- 16- Chuẩn mực số 25 - BCTC hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con;
- 17- Chuẩn mực số 26 - Thông tin về các bên liên quan.
- 18- Chuẩn mực số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- 19- Chuẩn mực số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- 20- Chuẩn mực số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Hệ thống kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện và chế độ kế toán hiện hành tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCÓ xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu trữ và trình bày hợp lý, đầy đủ để có thể phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính này tuân thủ theo các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận tại Việt Nam. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

3- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng, chi phí sản xuất trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty phản ánh các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp cho các công trình xây dựng chưa hoàn thành tại thời điểm kết thúc các niên độ kế toán.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng giá thành phẩm của các công trình xây dựng được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì vào cuối kỳ kế toán năm, được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

Tài sản hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó.

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ vô hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do tài sản đó mang lại;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người đi thuê. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán.

- *Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):*

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ hữu hình được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Phương pháp khấu hao áp dụng là phương pháp khấu hao đường thẳng. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác, như: Khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là một bộ phận chi phí cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình (theo quy định của chuẩn mực TSCĐ vô hình), hoặc chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho quá trình tự xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác.

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ vô hình được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính hợp lý của nó. Phương pháp khấu hao áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Việc trích khấu hao được bắt đầu từ ngày đưa TSCĐ vô hình vào sử dụng.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được phân bổ và hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê của tài sản. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê tài chính được ước tính phù hợp với thời gian sử dụng ước tính và thời gian thuê của tài sản cố định hữu hình.

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con là các khoản vốn góp chiếm tỷ lệ trên 50% trong tổng số vốn điều lệ của công ty con, Công ty mẹ có quyền chi phối về các chính sách tài chính, về các hoạt động của công ty con. Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tasco được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của công ty mẹ, Các khoản lợi nhuận nhận được từ hoạt động của các công ty con sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo riêng của công ty mẹ khi có thông báo của HĐQT các công ty con về việc phân chia lợi nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty đã góp vốn thành lập năm (05) công ty con, cụ thể:

Thông tin chi tiết về công ty con như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỉ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỉ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
1.	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51	51	Khai thác VLXD
2.	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	51	51	Xây lắp
3.	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100	100	Xây lắp
4.	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Dịch vụ
5	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100	100	Xây lắp

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được xác định theo giá gốc.

5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay phải ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực số 16. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Chi phí lãi vay phải trả đối với các dự án BT, BOT vốn hóa vào dự án trong thời gian xây dựng, khoản chi phí này tính trong phương án tài chính của dự án và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh toán theo quy định của hợp đồng. Kết thúc thời gian xây dựng, chi phí lãi vay của dự án được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Chi phí sửa chữa văn phòng, các chi phí phát sinh cho các công cụ dụng cụ được đưa vào sử dụng. Chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

- Chi phí khác bao gồm: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản phát sinh trong kỳ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ dần vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng tối đa không quá 03 năm.

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí phải trả bao gồm: Trích trước giá vốn dự án Vân Canh và các khoản chi phí khác. Việc trích trước các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để đảm bảo khi các khoản chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

- Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý, nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra, sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại, tại ngày kết thúc năm tài chính.

9- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần và được bổ sung từ chia cổ phiếu thưởng theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được trình bày trên báo cáo tài chính là số lãi của doanh nghiệp bao gồm cả lãi từ đầu tư vào các công ty con sau khi đã trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và quyền lợi đã được chuyển cho người mua, Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, và đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của việc cung cấp dịch vụ tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận khi khả năng thu tiền, ước tính hợp lý các chi phí của việc bán hàng hay khả năng hàng bán bị trả lại là không chắc chắn.

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận bao gồm tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định khi khối lượng hoàn thành hợp đồng xây dựng được ước tính hợp lý. Việc xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy doanh thu của hợp đồng xây dựng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ. Doanh thu và chi phí hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành hợp đồng. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Lỗ ước tính của hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi phát sinh.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh một phần, phần còn lại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình có sử dụng vốn vay đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCÓ

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22%. Lợi nhuận chịu thuế được ước tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận cho mục đích tính thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về mức thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: đồng

1 -	Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
	- Tiền mặt	3.441.589.128	2.382.655.562
	- Tiền gửi ngân hàng	298.430.070.464	294.194.626.786
	- Tiền đang chuyển	989.259.000	1.971.455.000
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	57.200.000.000	257.000.000
	Cộng	360.060.918.592	298.805.737.348
2 -	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
	- Đầu tư ngắn hạn khác	76.362.165.051	38.929.510.005
	<i>Trong đó: Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>76.362.165.051</i>	<i>37.129.510.005</i>
	Cộng	76.362.165.051	38.929.510.005
3 -	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
	- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	0	544.000.000
	- Phải thu khác	33.443.383.831	49.995.336.068
	Cộng	33.443.383.831	50.539.336.068
4 -	Hàng tồn kho	Cuối kỳ	Đầu năm
	- Nguyên liệu, vật liệu	67.550.540	8.629.810
	- Công cụ, dụng cụ	0	5.600.000
	- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	57.355.445.372	118.967.220.175
	- Thành phẩm	95.468.103	0
	- Hàng hóa	2.017.170.979	411.383.488
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	59.535.634.994	119.392.833.473

Hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây lắp

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

5 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế TNDN nộp thừa	4.289.744.249	178.245.549
- Thuế GTGT	7.201.843.801	1.961.352.818
- Các khoản khác phải thu nhà nước	51.601.695	152.696.325
Cộng	11.543.189.745	2.292.294.692

8 – Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

(Phụ lục 01)

10 - Tăng giảm tài sản cố định vô hình

(Phụ lục 03)

11 - Xây dựng cơ bản dở dang	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí mua sắm tài sản cố định	334.897.182	11.956.122.382
- Dự án trụ sở Công ty, VP cho thuê Pháp Vân	30.121.491.427	27.217.891.148
- Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	271.126.885.278	70.272.124.725
- Dự án Đường Lê Đức Thọ	383.915.437.985	366.796.568.718
- Dự án rác thải	1.876.488.843	1.876.488.843
- Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
- Dự án BT Quốc lộ 21	0	919.429.124.213
- Dự án xây dựng nhà ở cho CB báo Nhân dân và văn phòng TW Đảng	10.162.871.531	9.105.623.434
- Dự án khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương	506.766.995.542	499.811.464.716
- Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - Hoài Đức	270.427.354.098	280.468.532.569
- Dự án 48 Trần Duy Hưng	1.572.545.838	1.379.164.864
- Dự án Tỉnh lộ 39	814.110.379.981	327.095.874.194
- Dự án BOT Quảng Bình	1.074.317.844.478	104.137.632.356
- Dự án BT Sông Om	1.615.217.617	1.615.217.617
- Dự án xây dựng Trạm thu phí Mỹ Lộc mới	47.428.052.902	21.668.435.969
- Các dự án khác	6.742.980.400	4.883.670.030
Cộng	3.422.135.642.724	2.649.330.135.400

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

13 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Đầu tư vào công ty liên kết	16.909.026.908	17.037.756.248
- Đầu tư dài hạn khác	115.187.942.361	35.099.651.250
Cộng	132.096.969.269	52.137.407.498

Trong đó:

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Đầu tư vào công ty liên kết				
1. - Công ty CP Bất động sản Thái An	1.696.970	13.661.576.161	1.385.000	11.476.057.608
2. - Công ty CP Tasco Thăng Long	180.000	1.784.947.918	180.000	1.785.797.496
3. - Công ty CP ĐT và XD Trường Giang	0	0	180.000	2.164.481.646
4. - Công ty CP D-Tech	200.000	1.462.502.829	200.000	1.611.419.498
Cộng	2.076.970	16.909.026.908	1.945.000	17.037.756.248
b) Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư góp vốn vào Công ty khác (*)	4.911.949	85.212.349.400	684.000	6.840.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		29.975.592.961		28.259.651.250
Cộng	4.911.949	115.187.942.361	684.000	35.099.651.250

(*) Đây là giá trị đầu tư góp vốn của Công ty vào một số công ty khác với tỷ lệ cổ phần sở hữu dưới 20%.

Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư 3.838.949 cổ phần chiếm 12,8% vốn điều lệ của Tổng công ty xây dựng Thăng Long – CTCP tương ứng với giá trị đầu tư 79.082.349.400 đ.

14 Chi phí trả trước dài hạn:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí trả trước dài hạn	6.502.840.228	6.687.182.618
Cộng	6.502.840.228	6.687.182.618

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

15 Vay và nợ ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	306.991.716.110	593.607.174.052
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	196.669.001.083	293.011.173.591
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	66.435.546.877	70.323.208.696
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Thái Bình	0	553.186.540
+ Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	32.140.803.650	39.715.457.564
+ Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Nam Định	0	5.007.394.971
+ Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Thái Bình	0	99.841.247.891
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bắc Ninh	0	318.852.799
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN-CN Nam Định	0	1.955.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn HN -CN Ba Đình	0	35.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn HN -CN Thăng Long	0	4.450.000.000
+ Vay đối tượng khác	11.746.364.500	43.431.652.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	58.040.849.739	10.479.957.000
Cộng	365.032.565.849	604.087.131.052

Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng một phần tài sản và các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các Chủ đầu tư.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2014 số 01/2014/232424/HĐTĐ ngày 30/06/2014, mức dư nợ tối đa là 209.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ chín tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2015. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2014 số 01/2014/HĐTĐ ngày 07/07/2014, mức dư nợ tối đa là 133.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2015. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí – Chi nhánh Thăng Long:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0005/2013/HDTDHM-GPBTLO ngày 21 tháng 06 năm 2013 của Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, mức dư nợ tối đa là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 1 tháng/lần vào ngày 10 hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

tháng và được xác định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

16 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	123.845.153.204	691.086.944
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.314.763.824	1.795.912.516
- Thuế thu nhập cá nhân	780.346.467	197.827.051
- Các loại thuế khác	8.197.700	91.560.346
Cộng	197.948.461.195	2.776.386.857
17 - Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
- Trích trước giá vốn - Dự án Vân Canh	12.955.820.330	4.575.019.151
- Trích trước giá vốn - Dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương	406.697.661	406.697.661
- Trích trước CP quản lý dự án BT 39	0	495.994.430
- Chi phí phải trả khác	28.982.269.590	3.998.853.181
Cộng	42.344.787.581	17.892.681.129
18 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	270.861.086	650.771.566
- Bảo hiểm xã hội	209.697.674	168.943.881
- Bảo hiểm y tế	36.293.887	33.376.491
- Bảo hiểm thất nghiệp	16.130.594	13.994.362
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	124.276.302.288	174.707.018.670
Cộng	124.809.285.529	175.574.104.970

Trong đó: Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác gồm các khoản phải trả đội thi công công trình và một số khoản khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

20 - Vay và nợ dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
a Vay dài hạn	2.166.330.976.217	1.817.547.305.987
- Vay ngân hàng	2.123.710.676.217	1.671.687.005.987
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	1.394.154.045.987	985.620.567.659
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	0	4.428.832.409
+ Ngân hàng Phát triển VN - CN Nam Định	567.281.476.000	390.805.154.204
+ Ngân hàng Phát triển VN - Sở GD 1	154.713.054.230	166.713.054.230
+ NH TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	0	401.000.000
+ NH TMCP Kỹ thương VN - CN Nam Định	0	248.841.725
+ NH TMCP SHB – CN Ba Đình	1.162.100.000	797.500.000
+ NH TMCP SHB – CN Thăng Long	0	2.298.043.000
+ Ngân hàng NN & PTNT Thái Bình	0	72.224.407.656
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bắc Ninh	0	24.074.802.552
+ Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Nam Định	0	24.074.802.552
+ NH TMCP Ngoại thương VN - CN Hoàng Mai	6.400.000.000	0
- Vay đối tượng khác	42.620.300.000	45.860.300.000
- Trái phiếu phát hành	0	100.000.000.000
b Nợ dài hạn	0	0
Cộng	2.166.330.976.217	1.817.547.305.987

Hiện nay, Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng để thực hiện các dự án BT và dự án BOT

+ Đối với dự án BOT: nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn thu từ trạm thu phí theo Hợp đồng đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Công ty đang thực hiện tổ chức thu phí đường bộ tại hai trạm thu phí Tân Đệ và trạm thu phí Mỹ Lộc để hoàn vốn cho hai dự án: Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình (BOT10) và dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10 (BOT21) .

+ Đối với dự án BT: nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn vốn trái phiếu chính phủ đã bố trí cho dự án theo hợp đồng BT đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Cụ thể:

- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 10/2008/HĐTĐĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 02/2014/HỆTDĐT-NHPT ngày 08/01/2014, số tiền vay tối đa 173.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, thời gian trả nợ gốc 114 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 11/2008/HỆTDĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

+ Hợp đồng số 01/2008/HỆTDTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời hạn trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900 – Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình.

Hợp đồng số 01/2010/PLHĐ ngày 16 tháng 12 năm 2010 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HỆTDTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở GD I:

+ Theo hợp đồng số 01/2009/HỆTDĐT-NHPT ngày 27/3/2009 và phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HỆSĐTĐT/NHPT.SGDI số tiền vay tối đa đầu tư giai đoạn I của dự án 364.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). Lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

Nguồn trả nợ dự án từ Doanh thu bán bất động sản dự án Khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 6 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

+ Khoản vay dài hạn thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới Phủ Lý-Mỹ Lộc theo hình thức hợp đồng BT”: Theo Hợp đồng tín dụng số 02/2010 HỆTD ngày 17/12/2010 ký giữa Ngân hàng ĐT & PTVN - Chi nhánh Nam Định và Công ty CP Tasco, Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco (doanh nghiệp dự án): Khoản vay với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 2.892.000.000.000 đồng. Thời hạn vay phù hợp với tiến độ triển khai của dự án với điều kiện: Thời gian giải ngân tối đa là 60 tháng kể từ ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCOCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian thu nợ đối với mỗi khoản vay như sau: Từ năm 2010 đến năm 2011 – Thời gian thu nợ là 36 tháng kể từ ngày giải ngân; Từ năm 2012 – Thời gian thu nợ là 42 tháng kể từ ngày giải ngân.

+ Hợp đồng số 01/2013/HĐTD/BIDV-TASCO tháng 11/2013 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 1.531.000.000.000 đồng, thời hạn vay 19,5 năm, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần và được xác định vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý bằng tổng của Lãi suất tham chiếu cộng ba phẩy năm phần trăm một năm (3,5%/năm), nhưng không thấp hơn mức lãi suất tối thiểu theo quy định của Bên cho vay trong từng thời kỳ và không cao hơn mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Ngân hàng nhà nước và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

21 - Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

(Phụ lục 04)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị - HUD	54.293.760.000	54.293.760.000
- Vốn góp của cổ đông khác	892.181.150.000	592.181.150.000
Cộng	946.474.910.000	646.474.910.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp tại ngày đầu kỳ	646.474.910.000	349.976.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	300.000.000.000	296.498.910.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp tại ngày cuối kỳ	946.474.910.000	646.474.910.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	69.994.710.000
d. Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	94.647.491	64.647.491

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

e. Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	33.276.441.113	31.267.451.774
- Quỹ dự phòng tài chính	13.623.437.251	12.931.670.697
Cộng	46.899.878.364	44.199.122.471

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh và được sử dụng cho mục đích đầu tư của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh nhằm đề phòng những tổn thất, thiệt hại bất ngờ do những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng mang lại và khi gặp rủi ro, thua lỗ trong kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

		Đơn vị tính: đồng	
25 -	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý IV-2014	Quý IV-2013
	- Doanh thu hoạt động thu phí	26.645.824.544	22.080.997.272
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	50.599.093.460	24.490.589.772
	- Doanh thu hoạt động xây lắp	1.980.933.735.427	503.106.943.044
	- Doanh thu hoạt động KD bất động sản	2.155.670.814	6.064.909.902
	Cộng	2.060.334.324.245	555.743.439.990
26 -	Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý IV-2014	Quý IV-2013
	Trong đó:		
	- Giảm giá hàng bán	2.659.902.189	3.376.452.998
	- Hàng bán bị trả lại	498.913.446	2.508.899.017
	Cộng	3.158.815.635	5.885.352.015
27 -	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	Quý IV-2014	Quý IV-2013
		2.057.175.508.610	549.858.087.975

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

28 -	Giá vốn hàng bán	Quý IV-2014	Quý IV-2013
	- Giá vốn hoạt động thu phí	34.100.558.173	7.943.199.357
	- Giá vốn của hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ	44.788.825.049	23.166.976.246
	- Giá vốn hoạt động xây lắp	1.645.863.653.660	490.984.511.525
	- Giá vốn hoạt động KD bất động sản	1.399.909.423	3.779.670.103
	Cộng	1.726.152.946.305	525.874.357.231
29 -	Doanh thu hoạt động tài chính	Quý IV-2014	Quý IV-2013
	- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	430.389.419	1.137.474.774
	- Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	4.000.000
	Cộng	430.389.419	1.141.474.774
30 -	Chi phí tài chính	Quý IV-2014	Quý IV-2013
	- Lãi tiền vay	9.653.133.704	9.205.609.997
	- Chi phí tài chính khác	0	891.849.920
	Cộng	9.653.133.704	10.097.459.917
31 -	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý IV-2014	Quý IV-2013
	- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	69.170.073.440	1.439.511.154
	Cộng	69.170.073.440	1.439.511.154

VII- Những thông tin khác

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Những khoản nợ khó đòi, những khoản nợ không có khả năng thu hồi đã được Công ty phân loại tuổi nợ, phân tích, đánh giá và trích lập dự phòng.
- Thông tin liên quan:

Các khoản phải thu khách hàng:		Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần bất động sản Thái An	Công ty liên kết	132.102.200.000	132.102.200.000
	Cộng	132.102.200.000	132.102.200.000
Các khoản phải trả người bán:		Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần bất động sản Thái An	Công ty liên kết	617.968.605	617.968.605
	Cộng	617.968.605	617.968.605

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

Các khoản phải thu khác:

Công ty Cổ phần bất động sản Thái An

Cộng

Cuối kỳ

351.264.800

351.264.800

Đầu năm

351.264.800

351.264.800

5. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2013

7. Những thông tin khác:

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Lê Thị Ngọc

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Vũ Quang Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCÓ

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

Phụ lục 01: Tăng giảm TSCĐ hữu hình

TT	Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TS Hữu hình khác	Tổng cộng
A	NGUYÊN GIÁ						
I	Nguyên giá TSCĐ hữu hình	19.957.828.489	1.598.670.637	13.298.069.123	7.502.950.899	749.868.705.758	792.226.224.906
	Số dư đầu năm	19.957.828.489	1.598.670.637	13.298.069.123	7.502.950.899	749.868.705.758	792.226.224.906
II	Tăng trong kỳ	6.327.245.638	3.188.181.819	12.128.920.000	878.433.560	0	22.522.781.017
1	Mua trong kỳ	6.327.245.638	3.188.181.819	12.128.920.000	878.433.560	0	22.522.781.017
2	Tăng khác	0	0	0	0	0	0
III	Giảm trong kỳ	0	0	3.636.525.185	0	0	3.636.525.185
1	Thanh lý, nhượng bán	0	0	3.636.525.185	0	0	3.636.525.185
2	Giảm khác	0	0	0	0	0	0
IV	Số dư cuối kỳ	26.285.074.127	4.786.852.456	21.790.463.938	8.381.384.459	749.868.705.758	811.112.480.738
B	GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
I	Số dư đầu năm	6.519.859.983	1.230.352.331	8.130.634.233	3.648.251.601	61.896.458.100	81.425.556.248
II	Tăng trong kỳ	3.195.623.973	760.747.749	2.153.310.319	705.617.596	40.908.181.968	47.723.481.605
1	Khấu hao trong kỳ	3.195.623.973	760.747.749	2.153.310.319	705.617.596	40.908.181.968	47.723.481.605
2	Tăng khác	0	0	0	0	0	0
III	Giảm trong kỳ	0	0	3.316.089.641	0	0	3.316.089.641
1	Thanh lý, nhượng bán	0	0	3.316.089.641	0	0	3.316.089.641
2	Giảm khác	0	0	0	0	0	0
IV	Số dư cuối kỳ	9.715.483.956	1.991.100.080	6.967.854.911	4.353.869.197	102.804.640.068	125.832.948.212
C	GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TSCĐ HỮU HÌNH						
I	Tại ngày đầu năm	13.437.968.506	368.318.306	5.167.434.890	3.854.699.298	687.972.247.658	710.800.668.658
II	Tại ngày cuối kỳ	16.569.590.171	2.795.752.376	14.822.609.027	4.027.515.262	647.064.065.690	685.279.532.526

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

Phu lục 03: Tăng giảm TSCĐ vô hình

TT	Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
A	NGUYÊN GIÁ			
I	Nguyên giá TSCĐ vô hình	102.878.251	1.176.953.637	1.279.831.888
	Số dư đầu năm	102.878.251	1.176.953.637	1.279.831.888
II	Tăng trong kỳ	0	33.000.000	33.000.000
1	Mua trong kỳ	0	33.000.000	33.000.000
III	Giảm trong kỳ	0	127.137.000	127.137.000
1	Giảm khác	0	127.137.000	127.137.000
IV	Số dư cuối kỳ	102.878.251	1.082.816.637	1.185.694.888
B	GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
I	Số dư đầu năm	30.064.944	781.843.291	811.908.235
II	Tăng trong kỳ	4.304.232	144.882.347	149.186.579
1	Khấu hao trong kỳ	4.304.232	144.882.347	149.186.579
2	Tăng khác	0	0	0
III	Giảm trong kỳ	0	116.542.256	116.542.256
1	Giảm khác	0	116.542.256	116.542.256
IV	Số dư cuối kỳ	34.369.176	810.183.382	844.552.558
C	GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TSCĐ VÔ HÌNH			
I	Tại ngày đầu năm	72.813.307	395.110.346	467.923.653
II	Tại ngày cuối kỳ	68.509.075	272.633.255	341.142.330

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2014

Phụ lục 04: Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	349.976.000.000	72.222.032.987	31.974.455.915	11.871.864.337	90.835.072.217	556.879.425.456
Tăng trong năm	296.498.910.000	0	1.181.908.538	2.082.996.962	12.154.467.017	311.918.282.517
Tăng vốn	296.498.910.000					0
Phân phối lợi nhuận			1.181.908.538	2.082.996.962		299.763.815.500
Lãi					12.154.467.017	12.154.467.017
Giảm trong năm	0	67.067.432.400	1.888.912.679	1.023.190.602	61.414.806.820	131.394.342.501
Phân phối lợi nhuận					59.042.415.101	59.042.415.101
Giảm khác		67.067.432.400	1.888.912.679	1.023.190.602	2.372.391.719	72.351.927.400
Số dư tại ngày 31/12/2013	646.474.910.000	5.154.600.587	31.267.451.774	12.931.670.697	41.574.732.414	737.403.365.472
Số dư tại ngày 01/01/2014	646.474.910.000	5.154.600.587	31.267.451.774	12.931.670.697	41.574.732.414	737.403.365.472
Tăng trong năm	300.000.000.000	0	2.008.989.339	691.766.554	260.603.153.553	563.303.909.446
Tăng vốn	300.000.000.000					300.000.000.000
Phân phối lợi nhuận			2.008.989.339	691.766.554		2.700.755.893
Lãi					258.602.469.696	258.602.469.696
Tăng khác					2.000.683.857	2.000.683.857
Giảm trong năm	0	1.420.536.022	0	0	3.417.180.822	4.837.716.844
Phân phối lợi nhuận					3.417.180.822	3.417.180.822
Giảm khác		1.420.536.022	0	0	0	1.420.536.022
Số dư tại ngày 31/12/2014	946.474.910.000	3.734.064.565	33.276.441.113	13.623.437.251	298.760.705.145	1.295.869.558.074